

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần EVERPIA Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH EVERPIA Việt Nam.

Công ty Cổ phần EVERPIA Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, Giấy chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/08/2009. Giấy Chứng nhận Đầu tư này thay thế Giấy phép Đầu tư số 195/GP - HN ngày 04/09/2003; các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 195/GPĐC1 - HN ngày 04/11/2004, 195/GPĐC2 - HN ngày 20/05/2005, 195/GPĐC3 - HN ngày 13/03/2006 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh Giấy phép Đầu tư số 195/GCNĐC1/01/1 ngày 24/11/2006 đồng thời là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh. Thời hạn hoạt động của Công ty là 40 năm kể từ ngày 04/09/2003.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 ngày 28/08/2009, tổng số Vốn điều lệ của Công ty là 107.200.000.000 đồng, tương đương với 6.700.000 USD, số vốn này được chia thành 10.720.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng / cổ phần. Vốn điều lệ được chia thành:

- Vốn góp của cổ đông sáng lập: Ông Lee Jae Eun góp 21.600.000.000 đồng, tương đương với 1.350.000 USD (tương ứng với 2.160.000 cổ phần), chiếm 20,15% vốn điều lệ;
- Vốn góp của cổ đông phổ thông là 85.600.000.000 đồng, tương đương với 5.350.000 USD (tương ứng với 8.560.000 cổ phần), chiếm 79,85% vốn điều lệ.

Trụ sở Công ty: xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội

Địa chỉ Chi nhánh giao dịch: số 85 An Dương Vương, phường 08, quận 05, tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Park Soon O	Ủy viên
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Kwon Sung Ha	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27/03/2009)
Ông Lim Jin Taek	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27/03/2009)
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 12/06/2009)
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 12/06/2009)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Bán hàng
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Nhân sự
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

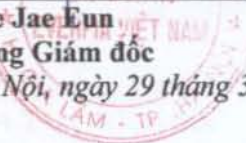
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2010



Số. **187**/2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 phát hành ngày 13/03/2009 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2010

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A (100 = 110+130+140+150)	100		320.471.799.612	140.349.569.781
I Tiền	110	5.1	130.691.248.872	19.951.750.456
1 Tiền	111		8.903.524.233	19.951.750.456
2 Các khoản tương đương tiền	112		121.787.724.639	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.001.185.760	43.874.070.587
1 Phải thu khách hàng	131		48.106.717.529	43.192.316.276
2 Trả trước cho người bán	132		9.626.015.274	1.887.648.829
3 Các khoản phải thu khác	135	5.2	3.140.793.470	4.666.445.855
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.872.340.513)	(5.872.340.373)
IV Hàng tồn kho	140	5.3	131.055.826.549	75.039.369.351
1 Hàng tồn kho	141		131.055.826.549	75.039.369.351
V Tài sản ngắn hạn khác	150		3.723.538.431	1.484.379.387
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.874.600.638	648.730.952
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.092.972	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		264.669.009	176.349.097
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	1.527.175.812	659.299.338
TÀI SẢN DÀI HẠN				
B (200 = 220+250+260)	200		95.070.675.016	89.938.524.221
I Tài sản cố định	220		87.060.076.891	85.299.190.822
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	61.891.992.092	56.799.409.371
<i>Nguyên giá</i>	222		151.121.065.162	138.671.342.647
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(89.229.073.070)	(81.871.933.276)
2 Tài sản cố định vô hình	227	5.7	20.873.989.767	25.376.003.402
<i>Nguyên giá</i>	228		32.376.298.196	35.254.628.290
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.502.308.429)	(9.878.624.888)
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	4.294.095.032	3.123.778.049
II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.088.360.000	-
1 Đầu tư vào công ty con	251	5.9	2.395.160.000	-
2 Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	693.200.000	-
III Tài sản dài hạn khác	260		4.922.238.125	4.639.333.399
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	4.397.406.610	4.546.559.724
2 Tài sản dài hạn khác	268		524.831.515	92.773.675
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		415.542.474.628	230.288.094.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009


NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		80.120.336.300	69.441.522.716
I Nợ ngắn hạn	310		80.029.992.354	68.840.522.579
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	3.215.422.225
2 Phải trả người bán	312		21.844.116.459	23.045.537.609
3 Người mua trả tiền trước	313		1.708.672.083	748.864.027
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	29.097.550.581	17.389.698.514
5 Phải trả người lao động	315		4.735.149.220	2.874.035.379
6 Chi phí phải trả	316	5.13	1.603.898.956	1.560.358.955
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	21.040.605.055	19.506.605.870
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	500.000.000
II Nợ dài hạn	330		90.343.946	601.000.137
1 Vay và nợ dài hạn	334		-	424.655.552
2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		90.343.946	176.344.585
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		335.422.138.328	160.846.571.286
B (400 = 410)	400		335.422.138.328	160.846.571.286
I Vốn chủ sở hữu	410	5.15	335.422.138.328	160.846.571.286
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.200.000.000	82.200.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		71.000.000.000	6.000.000.000
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.148.026.429	-
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	33.904.895
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		156.074.111.899	72.612.666.391
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		415.542.474.628	230.288.094.002

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		391.413,81	200.381,03
- EURO		238,40	249,32



Lee Jae Eun
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2010


Cho Yong Hwan
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	424.949.276.435	334.860.782.710
2 Các khoản giảm trừ	02	5.16	501.490.057	343.738.116
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.16	424.447.786.378	334.517.044.594
4 Giá vốn hàng bán	11	5.17	247.664.458.404	223.866.733.286
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		176.783.327.974	110.650.311.308
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	9.820.215.911	363.579.788
7 Chi phí tài chính	22	5.18	8.912.122.776	4.943.723.730
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		245.458.936	776.238.585
8 Chi phí bán hàng	24	5.19	33.870.934.180	18.283.377.661
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	33.231.075.912	23.175.450.970
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		110.589.411.017	64.611.338.735
11 Thu nhập khác	31	5.21	1.908.527.229	5.101.120.872
12 Chi phí khác	32	5.21	2.211.864.102	4.633.016.732
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(303.336.873)	468.104.140
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		110.286.074.144	65.079.442.875
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	24.095.792.014	14.168.282.410
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		86.190.282.130	50.911.160.465
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	9.092	6.194

Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2010

Cho Yong Hwan
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		110.286.074.144	65.079.442.875
2 Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9.658.477.701	7.692.939.905
- Các khoản dự phòng	03		-	1.586.796.420
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	3.737.677.667
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.666.671.976)	(817.488.878)
- Chi phí lãi vay	06		245.458.936	776.238.585
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		115.523.338.805	78.055.606.574
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09		(99.672.258.372)	(18.363.090.449)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10		(56.016.457.198)	899.896.408
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11		92.822.923.634	(22.012.017.160)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12		(1.076.716.572)	1.930.383.912
- Tiền lãi vay đã trả	13		(271.306.936)	(676.184.139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.708.181.693)	(8.113.699.691)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.269.386.091)	(137.160.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.341.955.577	31.583.734.763
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(13.823.005.634)	(13.429.075.839)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		587.455.731	224.761.908
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.673.200.000)	-
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.079.216.245	343.707.469
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.829.533.658)	(12.860.606.462)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31		90.000.000.000	-
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.810.880.435	12.157.871.185
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.450.958.212)	(13.755.865.449)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.049.806.519)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		86.359.922.223	(3.647.800.783)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		110.872.344.142	15.075.327.518
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.951.750.456	4.960.273.711
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		(132.845.726)	(83.850.773)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	130.691.248.872	19.951.750.456

Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2010

Cho Yong Hwan
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần EVERPIA Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH EVERPIA Việt Nam.

Công ty Cổ phần EVERPIA Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/04/2007. Giấy Chứng nhận Đầu tư này thay thế Giấy phép Đầu tư số 195/GP - HN ngày 04/09/2003; các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 195/GPĐC1- HN ngày 04/11/2004, 195/GPĐC2 - HN ngày 20/05/2005, 195/GPĐC3-HN ngày 13/03/2006 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh Giấy phép Đầu tư số 195/GCNĐC1/01/1 ngày 24/11/2006 đồng thời là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh. Thời hạn hoạt động của Công ty là 40 năm kể từ ngày 04/09/2003. Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư cấp lần đầu là 48.000.000.000 đồng tương đương với 3.000.000 USD, số vốn này được chia thành 4.800.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Các nhà đầu tư theo Giấy Chứng nhận Đầu tư này gồm:

- Công ty TNHH EVERHOLDINGS góp 31.200.000.000 đồng, tương đương với 1.950.000 USD (tương ứng với 3.120.000 cổ phần), chiếm 65% vốn điều lệ;
- Ông Kyo Sun Chung góp 2.400.000.000 đồng, tương đương với 150.000 USD (tương ứng với 240.000 cổ phần), chiếm 5% vốn điều lệ;
- Ông Lee Jae Eun góp 14.400.000.000 đồng, tương đương với 900.000 USD (tương ứng với 1.440.000 cổ phần), chiếm 30% vốn điều lệ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận Đầu tư lần thứ 1, lần thứ 2, lần thứ 3 và lần thứ 4. Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 ngày 28/08/2009, tổng số Vốn điều lệ của Công ty là 107.200.000.000 đồng, tương đương với 6.700.000 USD, số vốn này được chia thành 10.720.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng / cổ phần. Vốn điều lệ được chia thành:

- Vốn góp của cổ đông sáng lập: Ông Lee Jae Eun góp 21.600.000.000 đồng, tương đương với 1.350.000 USD (tương ứng với 2.160.000 cổ phần), chiếm 20,15% vốn điều lệ;
- Vốn góp của cổ đông phổ thông là 85.600.000.000 đồng, tương đương với 5.350.000 USD (tương ứng với 8.560.000 cổ phần), chiếm 79,85% vốn điều lệ.

Trụ sở Công ty: xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội

Địa chỉ Chi nhánh giao dịch: số 85 An Dương Vương, phường 08, quận 05, tp. Hồ Chí Minh.

Số lao động bình quân: 450 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản công nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị kênh phân phối, thương hiệu và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản vô hình của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ và các chi phí phải phân bổ khác được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	188.954.257	280.881.840
Tiền gửi ngân hàng	8.714.569.976	19.670.868.616
Các khoản tương đương tiền	121.787.724.639	-
Tổng	130.691.248.872	19.951.750.456

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.2 Phải thu khác

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Thuế VAT chờ kê khai	-	284.057.567
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	632.420.735	665.170.764
Phải thu lãi tiền gửi	950.734.267	-
Hàng gửi gia công	-	933.300.400
Công ty TNHH Viko Glowin Đồng Nai	1.145.543.082	-
Xuất cho mượn nguyên vật liệu	30.575.507	2.069.523.205
Phải thu khác	381.519.879	714.393.919
Tổng	<u>3.140.793.470</u>	<u>4.666.445.855</u>

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.646.022.048	430.556.623
Nguyên liệu, vật liệu	81.059.928.473	41.357.505.013
Công cụ, dụng cụ	29.291.664	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.269.569.746	4.091.974.300
Thành phẩm	40.598.160.724	25.938.028.835
Hàng hóa	2.128.822.176	1.561.453.025
Hàng gửi bán	1.324.031.718	1.659.851.555
Tổng	<u>131.055.826.549</u>	<u>75.039.369.351</u>

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	221.086.836	127.140.989
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	129.862.663	215.079.439
Tài trợ chương trình Vitamin	1.041.818.182	-
Tiền thuê nhà, văn phòng	218.676.000	130.450.800
Chi phí chờ phân bổ khác	263.156.957	176.059.724
Tổng	<u>1.874.600.638</u>	<u>648.730.952</u>

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	54.978.000	-
Tạm ứng	1.303.693.429	652.104.288
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	168.504.383	7.195.050
Tổng	<u>1.527.175.812</u>	<u>659.299.338</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2009	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 01 tháng 01	27.649.535.604	99.985.972.606	7.166.954.460	3.645.346.077	223.533.900	138.671.342.647
Tăng trong năm	-	6.248.341.098	4.994.119.337	354.496.955	1.018.043.591	12.615.000.981
Mua trong năm	-	6.248.341.098	4.994.119.337	354.496.955	988.028.591	12.584.985.981
Tăng khác	-	-	-	-	30.015.000	30.015.000
Giảm trong năm	30.015.000	-	135.263.466	-	-	165.278.466
Thanh lý, nhượng bán	-	-	135.263.466	-	-	135.263.466
Giảm khác	30.015.000	-	-	-	-	30.015.000
Tại ngày 31 tháng 12	27.619.520.604	106.234.313.704	12.025.810.331	3.999.843.032	1.241.577.491	151.121.065.162
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01 tháng 01	15.170.288.590	62.579.101.363	1.048.303.603	2.959.681.383	114.558.337	81.871.933.276
Tăng trong năm	991.069.458	4.992.246.990	963.070.243	236.177.791	247.549.792	7.430.114.274
Khấu hao trong năm	991.069.458	4.992.246.990	963.070.243	236.177.791	246.716.042	7.429.280.524
Tăng khác	-	-	-	-	833.750	833.750
Giảm trong năm	833.750	-	72.140.730	-	-	72.974.480
Thanh lý, nhượng bán	-	-	72.140.730	-	-	72.140.730
Giảm khác	833.750	-	-	-	-	833.750
Tại ngày 31 tháng 12	16.160.524.298	67.571.348.353	1.939.233.116	3.195.859.174	362.108.129	89.229.073.070
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01 tháng 01	12.479.247.014	37.406.871.243	6.118.650.857	685.664.694	108.975.563	56.799.409.371
Tại ngày 31 tháng 12	11.458.996.306	38.662.965.351	10.086.577.215	803.983.858	879.469.362	61.891.992.092

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/09	23.494.500.000	7.845.394.040	31.702.000	3.883.032.250	35.254.628.290
Tăng trong kỳ	-	-	81.596.710	-	81.596.710
Mua trong kỳ	-	-	67.702.670	-	67.702.670
Tăng khác	-	-	13.894.040	-	13.894.040
Giảm trong kỳ	-	13.894.040	-	2.946.032.764	2.959.926.804
Giảm khác	-	13.894.040	-	2.946.032.764	2.959.926.804
Tại ngày 31/12/09	23.494.500.000	7.831.500.000	113.298.710	936.999.486	32.376.298.196
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/09	6.327.027.644	3.184.236.275	29.268.087	338.092.882	9.878.624.888
Tăng trong kỳ	1.226.248.025	516.362.635	17.190.040	469.396.477	2.229.197.177
Khấu hao trong kỳ	1.226.248.025	516.362.635	17.190.040	469.396.477	2.229.197.177
Giảm trong kỳ	-	-	-	605.513.636	605.513.636
Giảm khác	-	-	-	605.513.636	605.513.636
Tại ngày 31/12/09	7.553.275.669	3.700.598.910	46.458.127	201.975.723	11.502.308.429
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/09	17.167.472.356	4.661.157.765	2.433.913	3.544.939.368	25.376.003.402
Tại ngày 31/12/09	15.941.224.331	4.130.901.090	66.840.583	735.023.763	20.873.989.767

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý ERP	3.661.392.099	3.123.778.049
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	632.702.933	-
Tổng	4.294.095.032	3.123.778.049

5.9 Đầu tư vào công ty con

Công ty con được đầu tư là Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 051033000003 ngày 30/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hưng Yên cấp, trong đó Vốn điều lệ là 9.600.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số Vốn điều lệ của công ty con, tương đương 5.568.000.000 đồng.

5.10 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là khoản ủy thác đầu tư kinh doanh cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh. Số vốn được ủy thác là 693.200.000 đồng tương ứng với 2.200 cổ phần của Công ty được đầu tư, giá mua là 315.090 đồng / cổ phiếu, mệnh giá là 100.000 đồng / cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 01 tháng 01	4.546.559.724	7.125.674.589
Tăng trong năm	8.732.553.308	2.783.934.847
Đã kết chuyển chi phí	8.881.706.422	5.363.049.712
Tại ngày 31 tháng 12	4.397.406.610	4.546.559.724

Chi tiết theo khoản mục chi phí

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.469.386.226	2.338.201.410
Chi phí nghiên cứu thị trường	-	1.426.712.682
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	-	763.839.662
Tiền thuê đất	-	17.805.970
Hệ thống camera	928.020.384	-
Tổng	4.397.406.610	4.546.559.724

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.033.243.294	2.105.255.194
Thuế xuất, nhập khẩu	-	40.343.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.913.750.356	12.526.140.035
Thuế thu nhập cá nhân	1.150.556.931	563.025.842
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.154.934.182
Tổng	29.097.550.581	17.389.698.514

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Lãi vay phải trả	31.224.082	57.072.082
Chi phí quảng cáo	944.204.955	1.343.286.873
Chi phí thuê tư vấn	25.848.000	160.000.000
CP tài trợ cho CT Vitamin HTV1 15 tháng	170.727.274	-
Phí tư vấn quảng bá và đại chúng hóa cổ phiếu	150.000.000	-
Chi phí phải trả khác	281.894.645	-
Tổng	1.603.898.956	1.560.358.955

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	824.582.519	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	483.648.176	162.922.726
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	300.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.732.374.360	19.043.683.144
<i>Thu phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi cho KB Investments</i>	<i>17.491.000.000</i>	<i>16.973.604.600</i>
<i>Công ty TNHH Viko Glowin Đồng Nai</i>	<i>1.189.340.379</i>	<i>105.194.765</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>1.052.033.981</i>	<i>1.964.883.779</i>
Tổng	21.040.605.055	19.506.605.870

5.15 Vốn chủ sở hữu**a - Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư thay đổi lần thứ 5 ngày 28/8/2009			Vốn góp thực tế đến 31/12/2009	
	Cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lee Jae Eun		2.160.000	21.600.000.000	20,15	21.600.000.000
Các cổ đông khác		8.560.000	85.600.000.000	79,85	85.600.000.000
Tổng		10.720.000	107.200.000.000	100	107.200.000.000

b - Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.720.000	8.220.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.720.000	8.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.720.000</i>	<i>8.220.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.720.000	8.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.720.000</i>	<i>8.220.000</i>

5.15 **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

c - **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại 01/01/2008	54.800.000.000	20.400.000.000	-	-	38.145.756.335	113.345.756.335
Tăng trong năm	27.400.000.000	-	-	1.033.904.895	50.911.160.465	79.345.065.360
Tăng vốn	27.400.000.000	-	-	-	-	27.400.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	50.911.160.465	50.911.160.465
Trích lập quỹ	-	-	-	1.033.904.895	-	1.033.904.895
Giảm trong năm	-	14.400.000.000	-	1.000.000.000	16.444.250.409	31.844.250.409
Trích quỹ	-	-	-	-	1.033.904.895	1.033.904.895
Điều chỉnh thuế	-	-	-	-	359.524.944	359.524.944
Nộp bổ sung thuế	-	-	-	-	2.050.820.555	2.050.820.555
Chi quỹ	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	14.400.000.000	-	-	13.000.000.015	27.400.000.015
Tại 31/12/2008	82.200.000.000	6.000.000.000	-	33.904.895	72.612.666.391	160.846.571.286
Tại 01/01/2009	82.200.000.000	6.000.000.000	-	33.904.895	72.612.666.391	160.846.571.286
Tăng trong năm	25.000.000.000	65.000.000.000	1.148.026.429	2.545.558.023	86.190.282.130	179.883.866.582
Tăng vốn	25.000.000.000	65.000.000.000	-	-	-	90.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	86.190.282.130	86.190.282.130
Trích lập quỹ	-	-	-	2.545.558.023	-	2.545.558.023
Tăng khác	-	-	1.148.026.429	-	-	1.148.026.429
Giảm trong năm	-	-	-	2.579.462.918	2.728.836.622	5.308.299.540
Trích quỹ	-	-	-	-	2.545.558.023	2.545.558.023
Chi quỹ và giảm khác	-	-	-	2.579.462.918	183.278.599	2.762.741.517
Tại 31/12/2009	107.200.000.000	71.000.000.000	1.148.026.429	-	156.074.111.899	335.422.138.328

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Doanh thu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	327.225.806.048	251.893.574.084
Doanh thu thành phẩm bông	63.300.788.340	64.477.302.642
Doanh thu chần bông	10.371.359.484	9.911.584.928
Doanh thu bán hàng hóa khác	24.051.322.563	8.578.321.056
Tổng	424.949.276.435	334.860.782.710
Các khoản giảm trừ	501.490.057	343.738.116
Doanh thu thuần	424.447.786.378	334.517.044.594

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	190.080.968.768	171.594.447.939
Giá vốn thành phẩm bông	35.944.599.494	45.913.388.973
Giá vốn chần bông	5.944.756.704	5.259.224.298
Giá vốn bán hàng hóa khác	15.694.133.438	1.099.672.076
Tổng	247.664.458.404	223.866.733.286

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền vay	4.079.216.245	357.902.519
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.740.999.666	5.677.269
Tổng	9.820.215.911	363.579.788
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	245.458.936	776.238.585
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.666.663.840	429.807.478
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.737.677.667
Tổng	8.912.122.776	4.943.723.730
Doanh thu tài chính thuần	908.093.135	(4.580.143.942)

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.19 Chi phí bán hàng

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	7.967.068.263	2.581.651.747
Chi phí vật liệu, bao bì	216.235.442	57.696.592
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.504.268.263	2.199.412.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.520.361.474	12.383.404.102
Chi phí bằng tiền khác	3.663.000.738	1.061.212.607
Tổng	33.870.934.180	18.283.377.661

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.472.887.766	9.051.484.713
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.713.231.345	629.040.867
Chi phí khấu hao TSCĐ	295.473.544	565.671.884
Thuế, phí và lệ phí	282.760.317	594.416.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.886.250.075	4.963.464.110
Chi phí bằng tiền khác	6.580.472.865	7.371.372.832
Tổng	33.231.075.912	23.175.450.970

5.21 Thu nhập / chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ, phế liệu	650.578.858	989.151.111
Xử lý chênh lệch thuế	-	1.292.417.822
Xử lý chênh lệch công nợ	11.376.781	924.919.025
Cho thuê tài sản	423.337.093	-
Lãi đầu tư vào công ty con	415.160.000	-
Xử lý chênh lệch hàng tồn kho	-	880.655.495
Thu nhập khác	408.074.497	1.013.977.419
Tổng	1.908.527.229	5.101.120.872
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	63.123.127	-
Xử lý chênh lệch thuế	-	934.816.522
Phạt vi phạm hợp đồng, nộp truy thu thuế	1.825.295.606	40.100.000
Khấu hao tài sản cho thuê	172.417.509	-
Xử lý chênh lệch hàng tồn kho	-	3.167.017.139
Chi phí khác	151.027.860	491.083.071
Tổng	2.211.864.102	4.633.016.732
Thu nhập khác thuần	(303.336.873)	468.104.140

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	110.286.074.144	65.079.442.875
Điều chỉnh tăng	1.825.295.606	5.761.969.176
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	112.111.369.750	70.841.412.051
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	22.422.273.950	14.168.282.410
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	1.673.518.064	-
Tổng chi phí thuế TNDN	24.095.792.014	14.168.282.410
Thuế TNDN được giảm	-	-
Tổng	24.095.792.014	14.168.282.410

5.23 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận / lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	86.190.282.130	50.911.160.465
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận / lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	86.190.282.130	50.911.160.465
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	86.190.282.130	50.911.160.465
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.480.274	8.219.432
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	9.092	6.194

10500
CÔNG
JP DA
EM TC
/IỆT N
U GIẤY-

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2009 VND
Giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	763.395.584
Giao dịch mua hàng			
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	2.620.148.975

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2009 VND
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	Công ty con	Phải thu khách hàng Trả trước cho người bán	511.431.322 560.288.710

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Năm 2009 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	4.936.105.277

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2010

Cho Yong Hwan
Kế toán trưởng